

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HS-ST

Ngày: 31-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hải

Ông Lê Anh Giàu

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Văn Kim Thái Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 95/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

TRẦN V (Cu Ba), sinh năm: 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số 16B, ấp M, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Kiều Thị H; Vợ: Lê Thị Ngọc B, sinh năm: 1985; Có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần K, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Số 16B, ấp M, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Người chứng kiến:

1. Trần Văn T, sinh năm: 1960;

Nơi cư trú: Số 558B, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

2. Bùi Hoàng V, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Số 532B2, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 25/4/2018, Trần V đang ở nhà thì có người bạn tên Hương (không rõ họ tên và địa chỉ) đến nhà V chơi và cho V 01 túi ma túy đá, V đã lấy ra sử dụng một ít, số còn lại V tiếp tục cất giữ để sử dụng. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27/4/2018, V bỏ túi ma túy vào trong túi nhỏ phía trước bên phải quần jean đang mặc rồi điều khiển xe mô tô biển số 71K8- 5809 chạy trên đường 887 để về huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng khi đến gần khu vực cầu Vĩ thì bị lực lượng Công an thành phố Bt, tỉnh Bến Tre mời về trụ sở làm việc và V đã tự lấy ma túy ra giao nộp 01 túi nylon hàn kín 3 phía, bên trên miệng túi có rãnh dán có sọc xanh nằm ngang, bên trong có chứa tinh thể màu trắng và khai nhận là ma túy của V đang cất giấu để sử dụng nên lực lượng công an tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang đối với V.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi nylon được hàn kín ba phía, trên miệng túi có rãnh dán, có sọc xanh nằm ngang, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký và ghi tên Trần V, Bùi Hoàng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Phạm Kiều T và dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre).

- 01 xe mô tô biển số 71K8-5809, số máy HC09E-5023852, số khung HC09055Y-518353.

Theo Kết luận giám định số 2051/C54B ngày 14/6/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2426 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 92/CT-VKSTPBT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần V từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 2051/C54B ngày 29/6/2018 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Phước N và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu K chứa mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng: 0,1624 gam; Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trao trả xe mô tô biển số 71K8-5809, số

máy HC09E-5023852, số khung HC09055Y-518353 cho bà Kiều Thị H (do anh Trần K ủy quyền nhận). Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Trần V có lời khai vào ngày 25/4/2018, bị cáo được người bạn tên Hương (không rõ lai lịch) đến nhà của bị cáo ở xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cho 01 túi ma túy đá để sử dụng. Sau khi có được ma túy, bị cáo lấy ra một ít sử dụng, phần còn lại bị cáo cất giấu. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27/4/2018, bị cáo bỏ túi ma túy còn lại vào trong túi nhỏ phía trước bên phải quần jean đang mặc rồi điều khiển xe mô tô biển số 71K8- 5809 chạy trên đường 887 để về huyện G, tỉnh Bến Tre, nhưng khi đến gần khu vực cầu Vĩ thì bị lực lượng Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre mời về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, bị cáo đã tự lấy túi ma túy đang cất giấu ra giao nộp. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần V có lời khai tại phiên tòa là vào ngày 25/4/2018, bị cáo được người bạn tên Hương (không rõ lai lịch) đến nhà của bị cáo ở xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cho 01 túi ma túy đá để sử dụng. Sau khi có được ma túy, bị cáo lấy ra một ít sử dụng, phần còn lại bị cáo cất giấu. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27/4/2018, bị cáo bỏ túi ma túy còn lại vào trong túi nhỏ phía trước bên phải quần jean đang mặc rồi điều khiển xe mô tô biển số 71K8- 5809 chạy trên đường 887 để về huyện G, tỉnh Bến Tre, nhưng khi đến gần khu vực cầu Vĩ thì bị lực lượng Công an thành phố BT, tỉnh Bến Tre mời về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, bị cáo đã tự lấy túi ma túy đang cất giấu ra giao nộp. Lời khai này phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 27/4/2018, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với kết quả giám định của cơ quan Kỹ thuật hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả giám định 01 túi thu giữ trong túi quần của bị cáo nghi là chất ma túy được kết luận là chất Methamphetamine, có khối lượng 0,2426 gam. Hành vi của bị cáo cất giấu ma túy để sử dụng theo quy định đó là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

[3] Bị cáo Trần V là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm, bị cáo mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi đó đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguy cơ phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Mặc dù nhân thân được xác định là chưa có tiền án tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã từng bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự thú hành vi phạm tội khi cơ quan Công an chưa phát hiện, có người thân tham gia cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương theo quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét về hoàn cảnh kinh tế, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo V về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đề nghị áp dụng là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì niêm phong số 2051/C54B ngày 29/6/2018 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Phước N và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu K chứa mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng: 0,1624 gam là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 71K8-5809, số máy HC09E-5023852, số khung HC09055Y-518353 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trần K, anh K không biết bị cáo sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho anh K là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Đối với đối tượng tên Hương, do không rõ họ và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không mời làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Trần V phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần V (Cu Ba) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trần V 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho Trần K 01 (Một) xe mô tô biển số 71K8-5809, số máy HC09E-5023852, số khung HC09055Y-518353 (do bà Kiều Thị H đại diện nhận).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong số 2051/C54B ngày 29/6/2018 có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Phước N và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu K chứa mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng: 0,1624 gam.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1b);
- Bị cáo, NCQLNVLQ (2);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình